

Phụ lục III
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

UBND PHƯỜNG AN HỘI ĐÔNG
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 388/BC-THCS.NT

An Hội Đông, ngày 29 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, công thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là công thông tin điện tử)

Địa chỉ: 1370 đường Lê Đức Thọ, phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.36022503

Địa chỉ thư điện tử: thcsnguyentraigovap@hcm.edu.vn

Website: <https://thcsnguyentraigovap.hcm.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: Công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh.

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, kỷ cương, chất lượng cao để học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống và khả năng tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những đơn vị có chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng nâng cao, được cha mẹ học sinh tin tưởng; học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện. Nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới phát huy năng lực của mình.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản

- Tinh đoàn kết
- Lòng nhân ái
- Tinh thần trách nhiệm
- Sự hợp tác
- Nề nếp kỷ cương
- Tính sáng tạo
- Tính trung thực
- Khát vọng vươn lên

4.4. Mục tiêu chung

4.4.1. Mục tiêu ngắn hạn (đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục):

Duy trì và ổn định chất lượng giáo dục đặc biệt là công tác phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi để khẳng định thương hiệu nhà trường trên địa bàn của phường.

4.4.2. Mục tiêu trung hạn (phát triển thương hiệu)

Duy trì bền vững, nâng cao chất lượng giáo dục, mỗi năm đều được nhận các danh hiệu thi đua cấp cao.

4.4.3. Mục tiêu dài hạn (khẳng định thương hiệu)

- Chất lượng giáo dục được khẳng định và dẫn đầu có chất lượng cao.
- Nâng cao chất lượng, kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi cấp Thành phố.
- Có quy mô ổn định và phát triển.
- Trở thành trường tự chủ toàn bộ chi phí hoạt động và tự chủ về nhân sự.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi được thành lập năm 2011 theo Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về thành lập trường THCS Nguyễn Trãi.

Ngày 01 tháng 7 năm 2025, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi được thành lập trực thuộc Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông về việc thành lập trường THCS Nguyễn Trãi trực thuộc Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông trên cơ sở tổ chức lại Trường THCS Nguyễn Trãi trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Từ khi được thành lập năm 2011, đến nay trường có 58 lớp học với 2827 học sinh, cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Qua 14 năm hoạt động và phát triển đến nay tập thể nhà trường đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm học.

Năm học 2023-2024 trường đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động Hạng Ba cho tập thể nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hồng Đức.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi.

Số điện thoại: 0908388245.

Email: nhduc.govap@hcm.edu.vn.

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi được thành lập theo Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về thành lập trường THCS Nguyễn Trãi.

Ngày 01 tháng 7 năm 2025, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi được thành lập trực thuộc Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông về việc thành lập trường THCS Nguyễn Trãi trực thuộc Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông trên cơ sở tổ chức lại Trường THCS Nguyễn Trãi trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của UBND phường An Hội Đông về việc thành lập Hội đồng trường Trường THCS Nguyễn Trãi nhiệm kỳ 2025-2030;

- Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2025 của UBND phường An Hội Đông về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường THCS Nguyễn Trãi nhiệm kỳ 2025-2030;

- Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
01	Nguyễn Hồng Đức	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Nguyễn Kim Hương Tuyền	Đại diện tổ chuyên môn	Thư ký
03	Lê Hoàng Sang	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
04	Ngô Ngọc Thẩm	Bí thư Chi đoàn	Thành viên

05	Lê Dũng Thành Liêm	Tổng phụ trách	Thành viên
06	Ba Văn Luận	Đại diện tổ chuyên môn	Thành viên
07	Trần Thái Vũ	Đại diện tổ chuyên môn	Thành viên
08	Nguyễn Thanh Hùng	Đại diện tổ chuyên môn	Thành viên
09	Nguyễn Kim Ngọc	Đại diện tổ chuyên môn	Thành viên
10	Trần Thị Sim	Đại diện tổ văn phòng	Thành viên
11	Tô Đình Triệu	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Đại diện chính quyền địa phương	Thành viên
12	Nguyễn Thanh Hà	Đại diện Ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên
13	Trần Phan Nhân	Đại diện học sinh	Thành viên

c) *Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;*

- Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông về việc tiếp nhận và bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Đức giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi trực thuộc Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông.

- Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông về việc tiếp nhận và bổ nhiệm bà Bùi Thị Thúy giữ chức vụ phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi trực thuộc Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông.

- Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông về việc tiếp nhận và bổ nhiệm bà Phạm Thị Hồng Đào giữ chức vụ phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi trực thuộc Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông.

d) *Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.*

*** Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục**

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, người lao động, học sinh tham gia các hoạt động xã hội. Quản lý giáo viên, nhân viên, người lao động theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, nhà trường. Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.

- Các hoạt động giáo dục thực hiện theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, được tổ chức trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường, nhằm thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:**

+ 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 36 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 122 công đoàn viên.

- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 22 đoàn viên.
- + Ban đại diện CMHS (năm học 2024 - 2025) có 14 thành viên.
- + Có 08 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) *Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);*

Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông về việc thành lập trường THCS Nguyễn Trãi trực thuộc Ủy ban nhân dân phường An Hội Đông trên cơ sở tổ chức lại Trường THCS Nguyễn Trãi trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.

e) *Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Hồng Đức	Hiệu trưởng	0908388245	nhduc.govap@hcm.edu.vn
2	Phạm Thị Hồng Đào	Phó Hiệu trưởng	0982009501	pthdao.govap@hcm.edu.vn
3	Bùi Thị Thúy	Phó Hiệu trưởng	0978287587	btthuy.govap@hcm.edu.vn

8. *Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).*

(Văn bản đính kèm)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(Văn bản đính kèm)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023-2024
1	Diện tích đất	11928,8 m ²	11928,8 m ²

2	Diện tích sàn/người học (m ²)	17058,2 m ² /2722 HS	17058,2 m ² /2826 HS
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	/	/
4	Số đầu sách	4413	4298
5	Số bản sách/người học	14814/2722 HS	14564/2826 HS

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trường THCS Nguyễn Trãi	1370 đường Lê Đức Thọ, phường An Hội Đông	11928,8 m ²	17058,2 m ²

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	0	0
2	Nâng cấp	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi, tên viết tắt là: Trường THCS NT.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
6	14	698	14	696	4	0,57	Học yếu, chán học	6	/	/
7	18	858	18	850	7	0,82	Do bệnh. Học yếu, chán học	28	/	/
8	14	643	14	637	4	0,62	Do bệnh. Học yếu, chán học	19	/	/
9	12	552	12	539	6	1,11	Do bệnh. Học yếu, chán học	13	/	/
TC	58	2751	58	2722	21	0,77	/	66	/	/

2. Đối với học sinh

a. Kết quả rèn luyện

Khối	TSHS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	So với năm học trước (NH 2023-2024)
6	696	691	5			Tốt: tăng, Khá: giảm
7	850	830	20			Tốt: giảm, Khá: tăng
8	637	613	24			Tốt: giảm, Khá: tăng
9	539	530	9			Tốt: tăng, Khá: giảm
TC	2722	2664	58			Tốt: giảm, Khá: tăng

b. Kết quả học tập

Khối	TSHS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	So với năm học trước (NH 2023-2024)
6	696	366	244	83	3	Tốt: giảm Khá: tăng Đạt, chưa đạt: giảm
7	850	435	297	109	9	Tốt: giảm Khá, Đạt, Chưa đạt: tăng
8	637	33	226	64	9	Tốt: giảm Khá, Đạt, Chưa đạt: tăng

9	539	202	225	112		Tốt: giảm Khá, Đạt: tăng
TC	2722	1341	992	368	21	Tốt: giảm Khá, Đạt, Chưa đạt: tăng

c. Thống kê danh hiệu

Khối	Học sinh Xuất sắc	Học sinh Giỏi
6	121	245
7	137	298
8	119	218
9	44	158

- Số học sinh lưu ban: 09

- Số học sinh đậu tốt nghiệp: 539 (100%)

d. Kết quả các cuộc thi, hội thi

STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
1	Khoa học kỹ thuật cấp quận	06 học sinh (03 dự án) đạt cấp quận	
2	ATGT cho nụ cười ngày mai cấp quận	08 học sinh đạt cấp quận	
3	Máy tính cầm tay cấp quận	04 học sinh đạt cấp quận	
4	Khéo tay kỹ thuật cấp quận	09 học sinh đạt cấp quận	
5	Văn hay chữ tốt cấp quận	03 học sinh đạt cấp quận	

6	Học sinh giỏi lớp 9 cấp quận	29 học sinh đạt cấp quận	
7	Thể dục thể thao cấp quận	09 HCV, 01 HCB, 03 HCD	
8	Tên lửa nước quận Gò Vấp năm 2024 cấp quận	Giải khuyến khích cấp quận 03 học sinh	
9	Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và phòng ngừa lao động trẻ em trái pháp luật cấp quận	01 học sinh đạt giải khuyến khích	
10	Nét vẽ xanh cấp quận	04 học sinh đạt cấp quận	
11	Đại sứ văn hóa đọc năm 2025 cấp quận	03 học sinh tham gia thi cấp Thành phố	
12	Liên hoan trống kèn đội ta cấp quận	Đạt bảng C cấp quận	
13	Công nhận danh hiệu Chỉ huy đội giỏi cấp quận	09 học sinh được công nhận cấp quận, trong đó có 02 em đạt giải khuyến khích cấp quận	
14	Khoa học kỹ thuật cấp thành phố	02 học sinh (01 dự án) đạt giải nhì cấp thành phố	
15	Máy tính cầm tay cấp thành phố	01 học sinh đạt đạt giải ba cấp thành phố	
16	Học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố	07 học sinh đạt đạt giải ba cấp thành phố (Giải nhì: 01 môn Sinh, 01 phân môn sử; 01 môn Anh; Giải ba: 01 Hóa, 01 phân môn Địa lý, 01 môn Tin, 01 môn Toán)	
17	Thể dục thể thao cấp thành phố	1 HCV, 2 HCB, 8 HCD	

18	Thẻ dực thể thao cấp Quốc gia	Môn Taekwondo (biểu diễn đồng đội): 01 Huy chương vàng (em Lê Thị Kim Anh - lớp 8/12)	
----	-------------------------------	---	--

2.2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Số lượng	Ghi chú
Giáo viên dạy giỏi cấp trường	/	
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường	/	
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp quận	8	
Chiến sĩ thi đua cơ sở	18	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	DỰ TOÁN THU	
B	DỰ TOÁN CHI NĂM 2025	42.401
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ ngân sách cấp (1.1+1.2)	21.520
1.1	- Nguồn 13	21.520
1.1.1	- Lương, nâng lương, các khoản đóng góp theo lương	19.939
1.1.2	- Phụ cấp nhân viên y tế theo QĐ số 06/2015/QĐ-UBND	5
1.1.3	- Phụ cấp GV thẻ dực theo QĐ số 51/2012/QĐ-TTg	95
1.1.4	- Chi hoạt động	1.481
	- Mua sắm: mua sắm thiết bị đồ dùng dạy học, công cụ dụng cụ văn phòng.....,	70
	- Sửa chữa: sửa chữa nhỏ CSVC, điện nước, bàn ghế, sửa chữa máy móc văn phòng, máy tính....	118
	- Hoạt động chuyên môn (Trang thiết bị, Đồ dùng dạy học, sách thư viện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh yếu, hoạt động văn thể mỹ của học sinh,.....)	414

	Chi hoạt động khác (Điện, nước, VPP, Dịch vụ công cộng, thông tin, tuyên truyền, thuê mượn, ...)	279
	- Lương, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp hợp đồng NĐ 111	600
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (2.1+2.2+2.3)	20.881
2.1	- Nguồn 14 (Không tự chủ)	16.805
1.2.1	- Thực hiện NQ 98/2023-NQ 08/2023	16.517
1.2.2	- Nhu cầu chi NQ 08/2023 đối tượng Hợp đồng NĐ111 chi theo mức khoán	288
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12)	2.943
2.2.1	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động lớp (chi mua sắm thiết bị, phần, hoạt động văn thể mỹ của học sinh và các hoạt động khác của trường và hs.....)	156
2.2.2	- Khuyết tật năm học 2024-2025	711
2.2.3	- Cấp bù học phí THCS 60.000đ/hs/T năm học 2024-2025	1.501
2.2.4	- Bồi dưỡng thường xuyên (tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn) cho cán bộ, giáo viên	129
2.2.5	- Chênh lệch định biên (Lương, nâng lương, các khoản đóng góp theo lương cho giáo sinh tuyển dụng năm học 2024-2025; Trả lương dạy thêm giờ đối với giáo viên Theo Thông tư Liên tịch 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC, tiết thêm giờ giáo viên cốt cán, thuê thỉnh giảng)	446
2.3	Nguồn 18 (Không tự chủ)	1.133
	-Quỹ tiền thưởng	1.133

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP NĂM 2025
(Đến ngày 31/9/2025)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Dự toán năm trước chuyển sang	/	
	Trong đó: - Trong khoán	/	
	- CCTL	/	
	- Ngoài khoán	/	
	- Sửa chữa	/	
	- Mua sắm (Trang bị PCCC)	/	
I	Dự toán được giao năm 2025	/	
	Trong đó: - Trong khoán	/	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
	- CCTL	/	
	- Ngoài khoán	/	
	- Sửa chữa	/	
	- Mua sắm	/	
II	Tổng dự toán điều chỉnh giảm	/	
	Trong đó: - Trong khoán	/	
	- CCTL	/	
	- Ngoài khoán	/	
	- Dự toán giữ lại (nguồn)	/	
	- Mua sắm	/	
II	Tổng dự toán được sử dụng năm 202....	/	
	Trong đó: - Trong khoán	/	
	- CCTL	/	
	- Ngoài khoán	/	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)	/	
	- Mua sắm	/	
III	Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 01/.. /202...	/	
	Trong đó: - Trong khoán (chi tiết đính kèm)	/	
	- CCTL	/	
	- Ngoài khoán (chi tiết đính kèm)	/	
	- Ngoài khoán	/	
	- Sửa chữa	/	
	- Mua sắm	/	
IV	Tổng kinh phí còn tại KBNN	/	
	Trong đó: - Trong khoán	/	
	- CCTL	/	
	- Ngoài khoán	/	
	- Sửa chữa	/	
	- Mua sắm	/	

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
A	B	1	2	3
I	Nguồn ngân sách trong nước	21.005.676.302	21.005.676.302	
1.	Chi quản lý hành chính			

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.005.676.302	21.005.676.302	
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.076.908.567	15.076.908.567	
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.928.767.735	5.928.767.735	
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5.	Chi bảo đảm xã hội			
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6.	Chi hoạt động kinh tế			
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

9.	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
11.	Quốc phòng			
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
12.	An ninh và trật tự an toàn xã hội			
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II.	Nguồn viện trợ			
III.	Nguồn vay nợ nước ngoài			

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN HỌC PHÍ

NĂM 2025 (Đến ngày 31/9/2025)

(Chỉ thực hiện hết năm 2025)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ chuyển sang (tại KBNN)	14.881.158	
II	Tổng số thu		
	- Thu học phí:	1.493.340.000	
III	Tổng kinh phí sử dụng		
III	Tổng chi	989.449.217	
1.	Chi lương	595.000.000	
2.	Chi lương từ cấp bù học phí	-	
3.	Chi tiền báo Đảng quý 1+2/202...	-	
4.	Chi mua vật tư văn phòng từ cấp bù học phí	160.449.217	
5.	Chi trợ cấp cấp ủy		
6.	Chi tiền tết 2025	234.000.000	
7.	Chi tiền điện	0	
8.	Chi tiền sửa chữa bàn ghế	0	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
9.	Chi trích lập quỹ năm 2024	0	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 31/9/2025 (Tồn tại KBNN)	518.771.941	

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025
(HỌC PHÍ- 6 tháng đầu năm 2025, năm 2026 bỏ biểu này)**

Stt	Nội dung chi	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	E	1	2
1	I. Kinh phí được giao tự chủ	15.076.908.567	15.076.908.567
	+ Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.076.908.567	15.076.908.567
	- Giáo dục trung học cơ sở	15.076.908.567	15.076.908.567
	- Tiền lương	8.697.586.495	8.697.586.495
	Lương theo ngạch, bậc	8.697.586.495	8.697.586.495
	- Phụ cấp lương	3.965.981.234	3.965.981.234
	Phụ cấp chức vụ	84.240.000	84.240.000
	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	80.513.284	80.513.284
	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	4.212.000	4.212.000
	Phụ cấp ưu đãi nghề	2.523.967.877	2.523.967.877
	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	10.530.000	10.530.000
	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	1.262.518.073	1.262.518.073
	- Các khoản đóng góp	2.360.431.638	2.360.431.638
	Bảo hiểm xã hội	1.707.614.396	1.707.614.396
	Bảo hiểm y tế	301.343.715	301.343.715
	Kinh phí công đoàn	200.801.669	200.801.669
	Bảo hiểm thất nghiệp	100.447.905	100.447.905
	Các khoản đóng góp khác	50.223.953	50.223.953
	- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	52.909.200	52.909.200
	Chi khác	52.909.200	52.909.200
2	II. Kinh phí không được giao tự chủ	5.928.767.735	5.928.767.735
	+ Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.928.767.735	5.928.767.735
	- Giáo dục trung học cơ sở	5.928.767.735	5.928.767.735
	- Tiền lương	95.605.384	95.605.384
	Lương theo ngạch, bậc	95.605.384	95.605.384
	- Phụ cấp lương	430.625.252	430.625.252

	Phụ cấp ưu đãi nghề	28.681.614	28.681.614
	Phụ cấp khác	401.943.638	401.943.638
	- Các khoản đóng góp	22.467.263	22.467.263
	Bảo hiểm xã hội	16.252.912	16.252.912
	Bảo hiểm y tế	2.868.164	2.868.164
	Kinh phí công đoàn	1.912.105	1.912.105
	Bảo hiểm thất nghiệp	956.055	956.055
	Các khoản đóng góp khác	478.027	478.027
	- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	3.796.409.836	3.796.409.836
	Chi khác	3.796.409.836	3.796.409.836
	- Chi phí thuê mướn	70.160.000	70.160.000
	Thuê thiết bị các loại	12.000.000	12.000.000
	Thuê lao động trong nước	58.160.000	58.160.000
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	39.000.000	39.000.000
	Chi khác	39.000.000	39.000.000
	- Chi khác	1.474.500.000	1.474.500.000
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	1.474.500.000	1.474.500.000
	TỔNG CỘNG	21.005.676.302	21.005.676.302

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN DTHT BUỔI 2 (NẾU CÓ) NĂM 2025

(đến ngày 31/9/2025)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm 2025 chuyển sang	0	
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước		
II	Tổng thu:		
1	Thu tiền buổi 2 HKI NH 202-202...		
2	Thu tiền buổi 2 HKII NH 2024-2025	2.122.525.580	
III	Tổng chi:		
1	Nộp thuế 2% thu tiền buổi 2 HKI NH 202....202....		
2	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKI Nh 202...202....		
3	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKI Nh 2024 - 2025		
4	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKI Nh 202...-202....		
5	Thuế 2% phải nộp HKII NH 2024-2025	42.450.511	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
6	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKII Nh 2024 -2025	1.201.625.069	
7	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKII Nh 2024 -2025	544.000.000	
8	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKII Nh 2024 -2025	268.800.000	
9	Chi tiền mua quạt trần, bóng đèn, điện, nước	65.650.000	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 31/9/2025 (Tại KBNN)	0	
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước (tồn tại KBNN)		

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU
NĂM 2025 (Đến ngày 31/9/2025)**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm trước chuyển sang tại KBNN	299.135.426	
II	Tổng thu (BHXH chuyển về)	352.778.377	
III	Tổng số chi		
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	48.741.798	
2	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs		
3	Chi tiền photo giấy khám sức khỏe cho hs đầu năm học 2024-2025		
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 31/9/2025 tại KBNN	603.172.005	

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN PHÚC LỢI
NĂM 2025 (Đến ngày 31/9/2025)**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	TỒN CUỐI NĂM 2024 CHUYỂN SANG	1.440.185.626	
II	Trích lập quỹ phúc lợi từ nguồn NSNN CUỐI NĂM 2024, ĐẦU NĂM 2025	0	
III.	Lãi tiền gửi		
IV	Tổng số được sử dụng năm 2025	1.440.185.626	
V	Tổng số chi trong năm 2025		
1	Chi tiền trợ cấp tết nguyên đán năm 2025	516.000.000	
2	Chi tiền hỗ trợ trực tết cho bộ phận bv	11.900.000	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
3	Chi tiền hỗ trợ thu nhập tăng thêm cho nv hợp đồng trường	62.000.000	
4	Chi tiền hỗ trợ quét dọn tết cho nv phục vụ	1.200.000	
5	Chi tiền hiến máu nhân đạo cho GV	3.600.000	
6	Chi tiền lì xì tết Nguyên đán năm 2025 cho GV CB NV	65.000.000	
7	Chi tiền mua bánh hộp HDSP đầu năm	4.860.000	
8	Chi tiền thuê xe chở GV đi viếng đám tang	4.250.000	
9	Chi tiền lễ ngày 08/3	21.700.000	
10	Chi tiền lễ ngày 10/3	13.000.000	
11	Chi tiền lễ ngày 30/4 và 01/5	26.000.000	
12	Chi tiền cho CB GV CNV nghỉ dưỡng hè tại chỗ nh 2024-2025	105.000.000	
13	Chi tiền tham quan nghỉ dưỡng hè nh 2024-2025	288.228.700	
14	Chi tiền lễ ngày 02/9	24.400.000	
15	Chi tiền mua hoa viếng đám tang	3.100.000	
VI	TỔN TẠI THỜI ĐIỂM 31/9/2025 tại KBNN	289.946.926	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN TÀI KHOẢN TẠI KHO BẠC NĂM 2025

(Đến ngày 31/9/2025)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ (cuối năm 202..... chuyển sang) - Tại KBNN	/	
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu còn lại	/	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dừng để chi CSVC	/	
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	/	
	- Quỹ khen thưởng	/	
	- Quỹ phúc lợi	/	
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	/	
	- Tiền OTTN	/	
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp	/	
	- Tiền khen thưởng Sở chuyển	/	
II	Tổng số thu	/	
III	Tổng số chi	/	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm .../.../202.... (tồn tại KBNN)	/	
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khoẻ ban đầu còn lại	/	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dừng để chi CSVC	/	
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	/	
	- Quỹ khen thưởng	/	
	- Quỹ phúc lợi	/	
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	/	
	- Tiền OTTN	/	
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp	/	
	- Tiền khen thưởng Sở chuyên	/	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

* Công tác xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục năm học đảm bảo đúng tiến độ, đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT.

- Kế hoạch giáo dục được thiết kế theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, lồng ghép hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM, nội dung địa phương và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

- Các tổ chuyên môn đã xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục tổ, kế hoạch bài dạy, đảm bảo thống nhất, khoa học, phù hợp với đặc điểm học sinh.

* Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Cơ sở vật chất nhà trường được rà soát, sửa chữa, nâng cấp kịp thời.

- Phòng chức năng được bố trí hợp lý, khai thác hiệu quả trong các hoạt động dạy học và trải nghiệm.

- Thiết bị dạy học được kiểm kê, bảo trì, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

* Bố trí, sử dụng đội ngũ giáo viên hiệu quả

- 100% giáo viên được bố trí giảng dạy đúng chuyên môn đào tạo, phù hợp năng lực, đảm bảo đủ giáo viên cho tất cả các môn học.

- Nhà trường đã thực hiện tốt công tác phân công chuyên môn, đảm bảo cân đối số tiết, khối lớp, tạo điều kiện cho giáo viên phát huy năng lực.

- Tạo điều kiện để giáo viên tham dự bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn chương trình GDPT 2018, chuyển đổi số nhằm giúp giáo viên nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

- 100% giáo viên thực hiện kế hoạch đổi mới PPDH theo yêu cầu của nhà trường.
- Học sinh chủ động, tích cực hơn trong giờ học, mạnh dạn trao đổi và thuyết trình.
- Giáo viên sử dụng CNTT thường xuyên hơn.
- Việc đổi mới và thực hiện hiệu quả các phương pháp - hình thức dạy học đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo môi trường học tập tích cực, thân thiện, giúp học sinh phát triển năng lực, phẩm chất theo yêu cầu chương trình mới.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- 100% giáo viên thực hiện đổi mới KTĐG theo hướng phát triển năng lực.
- Ngân hàng đề kiểm tra được xây dựng và cập nhật định kỳ theo ma trận, đảm bảo độ tin cậy, phân hóa.
- Học sinh tích cực, tự tin hơn khi tự đánh giá, phản hồi kết quả học tập.
- Công tác đổi mới phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá trong nhà trường đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

Công tác giáo dục hướng nghiệp trong năm học qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao nhận thức nghề nghiệp cho học sinh.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi nghiêm túc, đạt hiệu quả tốt. Hoạt động này không chỉ giúp đánh giá năng lực học sinh mà còn tạo môi trường học tập tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

- 100% học sinh được học tập và sinh hoạt trong môi trường tích cực, an toàn.
- Học sinh có thái độ đúng đắn, lễ phép với thầy cô, đoàn kết với bạn bè.
- Tình trạng vi phạm nội quy giảm rõ rệt so với năm học trước.
- Nhiều học sinh tích cực tham gia hoạt động phong trào, có ý thức tự quản và tự rèn luyện.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

- 100% giáo viên, nhân viên, học sinh nắm được nội quy, quy định về an toàn, vệ sinh trường học.

- Không xảy ra vụ việc mất an toàn, bạo lực học đường hoặc tai nạn trong nhà trường.

- Khuôn viên trường luôn xanh - sạch - đẹp, có cây xanh, thùng rác phân loại, phòng học thoáng mát.

- Học sinh có thái độ tích cực, lễ phép, biết chia sẻ, tôn trọng, đoàn kết và giúp đỡ nhau.

- Môi trường sư phạm ổn định, tạo động lực cho giáo viên yên tâm công tác, học sinh hứng thú học tập.

c. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định (Nếu có)

100% giáo viên thực hiện đúng quy định; không có khiếu nại về thu - chi, dạy thêm.

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- 100% cán bộ, giáo viên chấp hành tốt chủ trương, chính sách, quy định của ngành.

- Trình độ ứng dụng CNTT, đổi mới phương pháp giảng dạy nâng cao rõ rệt.

- Đội ngũ cán bộ quản lý chủ động, sáng tạo, điều hành hiệu quả các hoạt động giáo dục.

- Giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Cơ sở vật chất được bổ sung và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và chương trình GDPT 2018.

- Môi trường học tập an toàn, thân thiện; ý thức bảo quản cơ sở vật chất của học sinh và giáo viên được nâng cao rõ rệt.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Chất lượng các tiết dạy được nâng lên, thể hiện qua việc giáo viên tích cực áp dụng các phương pháp dạy học mới.

- Sự hứng thú, tích cực của học sinh trong học tập được cải thiện rõ rệt. Học sinh phát triển tốt hơn về các phẩm chất và năng lực cốt lõi.

- Xây dựng được môi trường làm việc đoàn kết, cởi mở và văn hóa học tập suốt đời cho đội ngũ.

- Các thủ tục hành chính, sổ sách được tinh giản, giúp cán bộ quản lý và giáo viên giảm bớt áp lực giấy tờ và có thêm thời gian tập trung vào hoạt động chuyên môn.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Công tác truyền thông giáo dục đã giúp nhà trường truyền tải kịp thời, chính xác các chủ trương, chính sách đổi mới của ngành, đặc biệt là Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các hoạt động của nhà trường đến phụ huynh và học sinh.

Trên đây là Báo cáo thường niên của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi./

Nơi nhận:

- Website trường;
- Lưu: VT, HSCK.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Đức